

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2024

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024

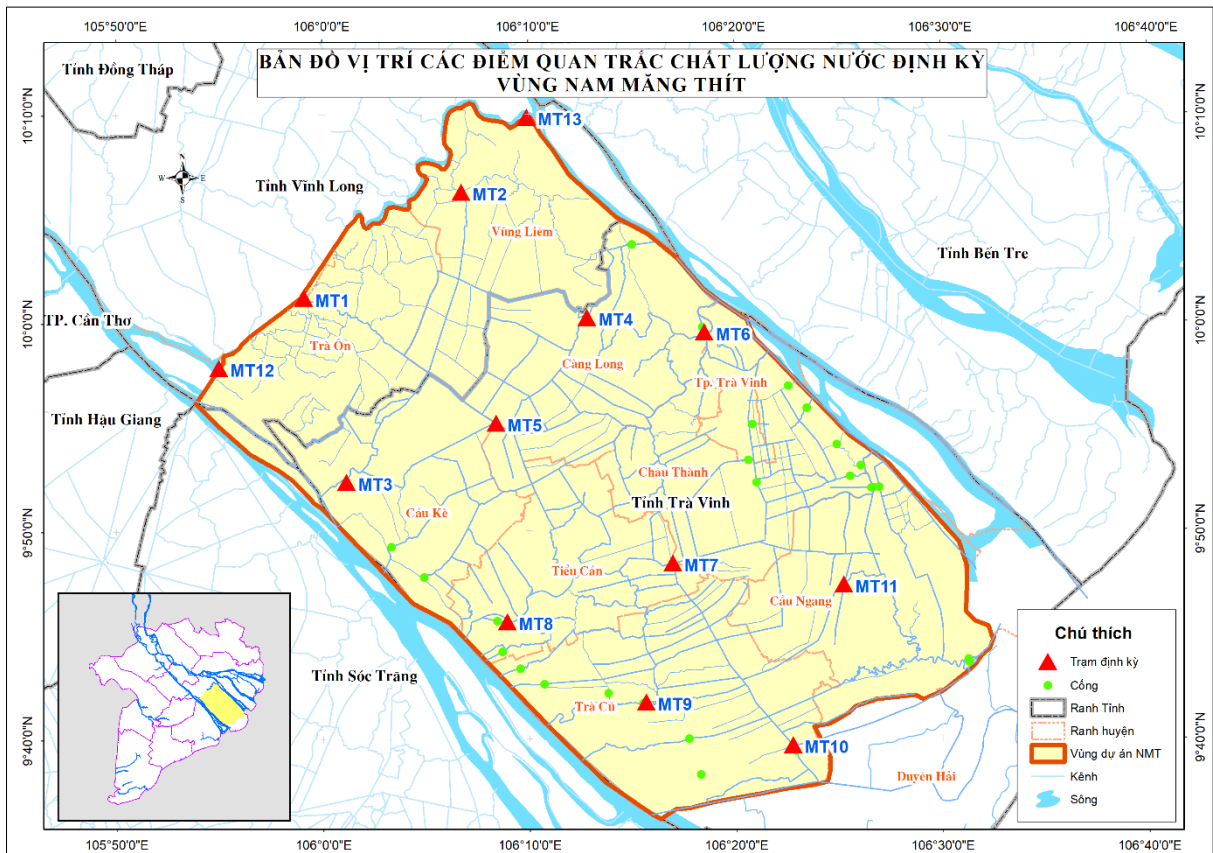
### BẢN TIN TUẦN 23

Đợt đo ngày 02/07/2024, dự báo từ 12/07 đến 18/07/2024

## I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 02/07/2024

### 1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trọng 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã	Huyện	Tỉnh
			X	Y			
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Trà Ôn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vũng Liêm	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bốt	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Cầu Kè	Trà Vinh
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Càng Long	Càng Long	Trà Vinh
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Thanh Phú	Cầu Kè	Trà Vinh
6	MT6	Cống Láng Thế	643.446	1.104.839	Đại Phước	Càng Long	Trà Vinh
7	MT7	Rạch Càn Chông	640.652	1.084.401	Ngãi Hùng	Tiểu Càn	Trà Vinh
8	MT8	Cống Càn Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Tiểu Càn	Trà Vinh
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Trà Cú	Trà Vinh
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Duyên Hải	Trà Vinh
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	Trà Vinh
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vũng Liêm	Vĩnh Long

## 2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đạc chất lượng nước

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
1	MT01	6,95	28,5	0,20	26	1,43	2,46	6,82	6,33	0,76	0,18	46000	46	Theo chỉ số WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức kém, có thể sử dụng nguồn nước cho mục đích nông nghiệp. Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023
2	MT02	6,57	28,7	0,30	24	2,56	3,19	7,46	5,82	0,84	0,23	430	98	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
3	MT03	7,07	28,8	0,20	21	0,92	2,09	6,82	6,51	0,73	0,27	900	100	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
4	MT04	6,74	28,7	0,40	15	2,95	3,35	7,30	5,07	1,31	0,23	240	97	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
5	MT05	6,83	28,5	0,40	18	3,10	2,64	8,19	5,42	1,44	0,37	430	97	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.  Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TP xấp xỉ giá trị giới hạn là 0,3 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B).

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.
6	MT06	6,63	28,4	0,30	17	3,02	2,36	6,82	5,92	0,61	0,33	21	98	<p>Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TP xấp xỉ giá trị giới hạn là 0,3 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B). Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.</p>
7	MT07	6,59	28,7	0,40	14	3,85	3,19	7,63	5,09	2,30	0,44	430	97	<p>Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p>

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														Cần chú ý các chỉ tiêu dinh dưỡng TN và TP đều cao hơn các giá trị giới hạn tương đương là 1,5 mg/L và 0,3 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B). Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.
8	MT08	7,15	28,5	0,20	32	1,07	2,40	7,46	6,39	1,19	0,14	900	99	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
9	MT09	6,56	28,8	0,50	16	4,55	2,67	8,03	5,56	2,73	0,27	240	97	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TN cao hơn giá trị giới hạn là 1,5 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B). Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.
10	MT10	6,63	28,8	0,50	19	6,40	2,76	8,11	5,01	2,16	0,24	430	97	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TN cao hơn giá trị giới hạn là 1,5 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B). Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.
11	MT11	6,87	29,0	0,80	14	7,13	2,83	7,95	5,24	2,07	0,07	9	97	Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra,

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														<p>nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TN cao hơn giá trị giới hạn là 1,5 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B). Cần theo dõi và hạn chế rửa trôi phân bón xuống sông kênh.</p>
12	MT12	7,18	28,6	0,10	27	0,79	2,09	6,82	6,65	1,34	0,15	150	100	<p>Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p>
13	MT13	6,81	28,5	0,10	37	0,80	2,52	5,78	6,11	1,58	0,24	2300	98	<p>Theo chỉ số WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho</p>



TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Cần chú ý chỉ tiêu dinh dưỡng TN xấp xỉ với giá trị giới hạn là 1,5 mg/L (so sánh với QCVN08:2023 nhóm B).
	QCVN08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)				≤ 100		≤ 6	≤ 15	≥ 5	≤ 1,5	≤ 0,3	≤ 5000		

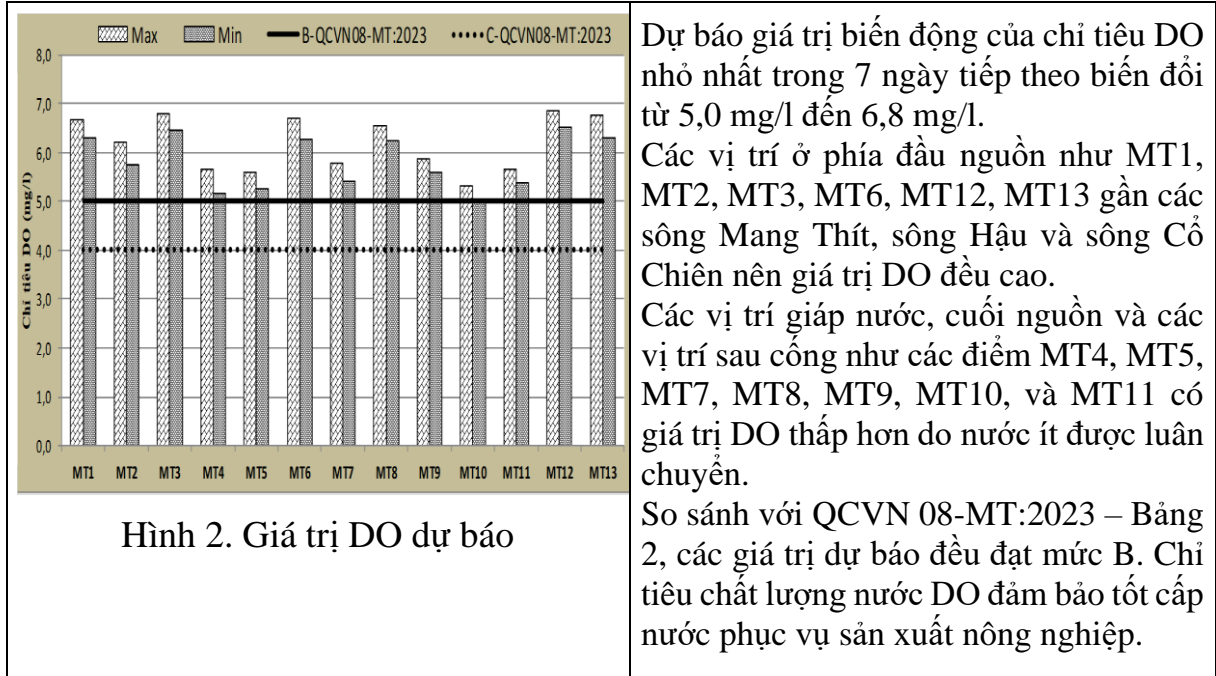
**Ghi chú:** Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

## II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 12/07/2024 đến ngày 18/07/2024

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 12/07/2024 đến ngày 18/07/2024 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

### 1. Chỉ tiêu DO



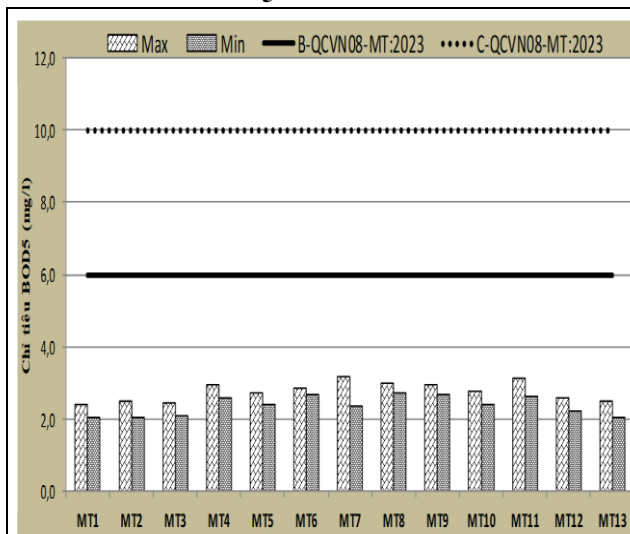
Hình 2. Giá trị DO dự báo

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 12-18/07/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07
1	MT1	6,66	6,55	6,39	6,30	6,30	6,32	6,43
2	MT2	6,21	6,06	5,96	5,81	5,76	5,74	5,79
3	MT3	6,80	6,69	6,53	6,44	6,44	6,46	6,57
4	MT4	5,64	5,50	5,40	5,25	5,20	5,18	5,23
5	MT5	5,60	5,50	5,34	5,25	5,25	5,27	5,37
6	MT6	6,71	6,57	6,47	6,33	6,28	6,27	6,32
7	MT7	5,79	5,61	5,50	5,42	5,44	5,52	5,70
8	MT8	6,54	6,40	6,31	6,24	6,24	6,30	6,44
9	MT9	5,86	5,74	5,64	5,59	5,59	5,66	5,79
10	MT10	5,31	5,18	5,09	5,03	5,04	5,10	5,23
11	MT11	5,65	5,52	5,44	5,38	5,38	5,44	5,57
12	MT12	6,84	6,74	6,60	6,53	6,54	6,58	6,70
13	MT13	6,77	6,62	6,52	6,37	6,32	6,30	6,35

## 2. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>



Hình 3. Giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo

Dự báo BOD<sub>5</sub> lớn nhất trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 2,0 mg/l đến 3,2 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13 do gần các sông lớn, không bị ứ đọng và luân chuyển dòng chảy nên giá trị BOD<sub>5</sub> đều thấp.

Ngược lại, với các vị trí giáp nước, nội đồng hay trong cống, nước ít được luân chuyển, các công thường đóng để ngăn mặn nên gây ứ đọng nước hay tích tụ chất thải dẫn đến cần nhiều oxy để oxy hóa các chất hữu cơ làm cho giá trị BOD<sub>5</sub> tăng cao.

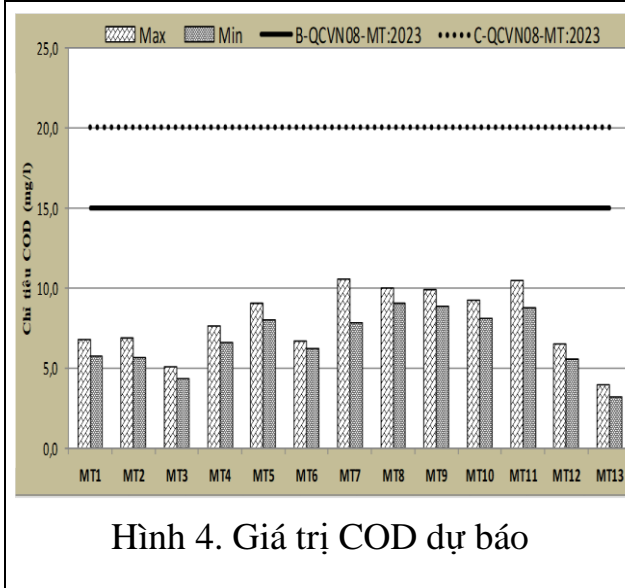
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo đều thấp và dưới ngưỡng B. Nhìn chung, chỉ tiêu chất lượng nước BOD<sub>5</sub> đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD<sub>5</sub> các trạm từ ngày 12-18/07/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07
1	MT1	2,04	2,15	2,31	2,40	2,40	2,38	2,27
2	MT2	2,07	2,21	2,29	2,43	2,48	2,49	2,43
3	MT3	2,10	2,21	2,37	2,46	2,46	2,44	2,33
4	MT4	2,57	2,69	2,78	2,92	2,96	2,97	2,91
5	MT5	2,41	2,51	2,66	2,72	2,71	2,70	2,60
6	MT6	2,66	2,71	2,74	2,85	2,86	2,82	2,69
7	MT7	2,77	3,04	3,15	3,13	2,93	2,79	2,35
8	MT8	2,71	2,84	2,94	2,99	2,99	2,93	2,79
9	MT9	2,88	2,92	2,95	2,96	2,91	2,82	2,66
10	MT10	2,62	2,72	2,77	2,78	2,73	2,62	2,42
11	MT11	3,15	3,15	3,12	3,07	2,96	2,76	2,62
12	MT12	2,24	2,35	2,51	2,60	2,60	2,58	2,47
13	MT13	2,03	2,18	2,28	2,43	2,48	2,50	2,45

### 3. Chỉ tiêu COD



Chỉ tiêu COD có xu thế khá tương đồng với BOD<sub>5</sub>. Giá trị COD lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 3,2 mg/l đến 10,5 mg/l.

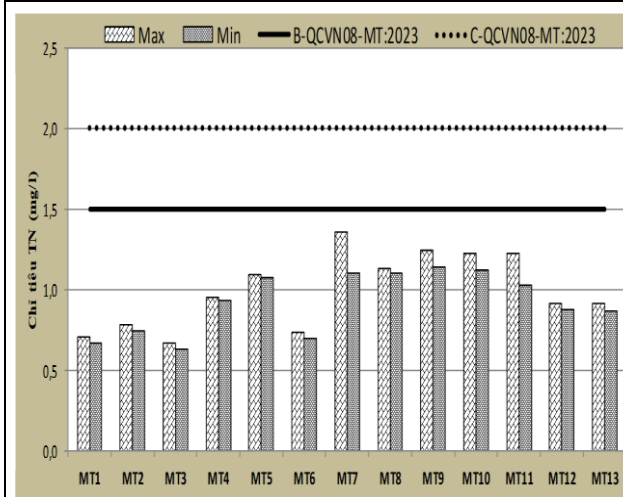
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị đều dưới ngưỡng mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước COD đảm bảo tốt phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 12-18/07/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07
1	MT1	5,79	6,11	6,56	6,81	6,81	6,76	6,44
2	MT2	5,68	6,07	6,31	6,68	6,82	6,85	6,69
3	MT3	4,38	4,60	4,94	5,13	5,13	5,09	4,86
4	MT4	6,64	6,94	7,17	7,54	7,65	7,67	7,51
5	MT5	8,02	8,36	8,86	9,08	9,05	8,99	8,66
6	MT6	6,20	6,33	6,40	6,64	6,67	6,59	6,28
7	MT7	9,24	10,15	10,51	10,44	9,78	9,31	7,84
8	MT8	9,05	9,47	9,80	9,98	9,97	9,76	9,32
9	MT9	9,60	9,74	9,85	9,86	9,71	9,41	8,88
10	MT10	8,72	9,06	9,22	9,28	9,10	8,74	8,07
11	MT11	10,50	10,49	10,40	10,24	9,88	9,20	8,74
12	MT12	5,60	5,88	6,28	6,50	6,50	6,45	6,18
13	MT13	3,21	3,45	3,61	3,85	3,93	3,96	3,88

#### 4. Chỉ tiêu tổng Nitơ - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Giá trị TN lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 0,63 mg/l đến 1,36 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị TN thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong công như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị TN thường cao do nước ít được luân chuyển, công thường đóng ngăn mặn gây ứ đọng, tích tụ chất thải.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới mức B. Các vị trí nội đồng và trong công cao hơn và dưới mức B.

Chỉ tiêu chất lượng nước TN cơ bản đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 12-18/07/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07
1	MT1	0,67	0,68	0,70	0,71	0,71	0,70	0,69
2	MT2	0,75	0,76	0,77	0,78	0,78	0,78	0,78
3	MT3	0,63	0,65	0,66	0,67	0,67	0,67	0,66
4	MT4	0,93	0,94	0,94	0,96	0,96	0,96	0,95
5	MT5	1,07	1,08	1,09	1,10	1,09	1,09	1,08
6	MT6	0,74	0,73	0,73	0,73	0,73	0,72	0,70
7	MT7	1,30	1,35	1,36	1,33	1,26	1,22	1,11
8	MT8	1,11	1,12	1,13	1,13	1,13	1,13	1,11
9	MT9	1,24	1,23	1,21	1,20	1,18	1,16	1,14
10	MT10	1,22	1,23	1,21	1,20	1,18	1,16	1,12
11	MT11	1,23	1,20	1,16	1,13	1,10	1,05	1,03
12	MT12	0,88	0,89	0,91	0,92	0,92	0,92	0,90
13	MT13	0,87	0,89	0,90	0,91	0,92	0,92	0,91

### III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước (DO, BOD<sub>5</sub>, COD, TN) tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít, chất lượng nguồn nước trong hệ thống từ 12/07-18/07/2024 đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp (so với bảng 2, chất lượng nước loại B của QCVN 08:2023/BTNMT).

Trong tuần dự báo, mặn có xu hướng tăng so với tuần trước khi vào kỳ nước lớn. Kiến nghị các địa phương vùng NMT tiếp tục giám sát mặn trước khi vận hành các công lấy nước ở cả hai nhánh sông Cỏ Chiên (từ công Đa Lộc, công Tầm Phương, công Điệp Thạch trở lên) và sông Hậu (từ công Hàm Giang trở lên). Chỉ lấy nước khi độ mặn nhỏ hơn 1 g/l nhằm bổ sung nguồn nước ngọt cho khu nội đồng, tăng lưu thông dòng chảy, giảm nồng độ nhiễm trên kênh rạch, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và xuống giống đầu vụ Thu Đông chủ yếu ở các huyện Vũng Liêm và Trà Ôn của tỉnh Vĩnh Long.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết tại khu vực hệ thống trong tuần dự báo sẽ tiếp tục có mây, mưa rào và kèm theo dông. Khuyến cáo vận hành tiêu xả môi trường luân phiên phù hợp tại các khu vực công cuối nguồn để giảm thiểu chất ô nhiễm tồn đọng; thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

#### Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục Thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

**KT.VIỆN TRƯỞNG**

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



*Phạm Văn Mạnh*